



DOI:10.22144/ctu.jvn.2019.057

ĐỘ NỔI VÀ TÍNH BỀN VỮNG THUẾ CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2006-2015

Phạm Thị Hồng Quyên^{1*} và Lê Hoàng Anh²

¹Khoa Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế - Đại học Huế

²Khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế - Đại học Huế

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Phạm Thị Hồng Quyên (email: hquyenpt@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 24/07/2018

Ngày nhận bài sửa: 10/03/2019

Ngày duyệt đăng: 26/04/2019

Title:

Estimating tax buoyancy and tax stability of Thua Thien Hue for the period of 2006 – 2015

Từ khóa:

Doanh thu thuế, độ nổi thuế, hiệu quả thu thuế, GDP, tính bền vững của thuế

Keywords:

GDP, tax buoyancy, tax collection efficiency, tax revenue, tax sustainability

ABSTRACT

The rational tax rate is an important factor to boost production and business and is a determinant of GDP growth. When GDP grows, the tax revenue will increase accordingly if inefficient element of tax system was excluded. The estimation of tax buoyancy and stability shows that tax collection for the period from 2006 to 2015 of Thua Thien Hue Tax Department is not conducted as expectation. The average tax buoyancy rate for this period is under 1. This means that the growth of tax collection, which is lower than the one of GDP, shows an ineffective tax system. This problem requires that provincial tax department has to improve the performance of tax collection for the coming time.

TÓM TẮT

Mức động viên hợp lý của thuế là nhân tố quan trọng thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và là nhân tố quyết định sự tăng GDP. Khi GDP tăng trưởng thì số thu thuế sẽ tăng lên tỷ lệ tương ứng nếu loại trừ yếu tố kém hiệu quả của hệ thống thuế. Độ nổi thuế giai đoạn 2006 - 2015 của Thừa Thiên Huế khác biệt qua từng năm trong giai đoạn nghiên cứu, có những năm chỉ số này rất cao, có những năm lại rất thấp. Độ nổi thuế bình quân nhỏ hơn 1, điều này cho thấy năng lực thu thuế từ nền kinh tế của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2006 - 2015 còn yếu. Một hệ thống thuế hiệu quả là khi tốc độ tăng thu thuế cao hơn và nhanh hơn sự gia tăng tổng sản phẩm quốc gia. Vấn đề này đòi hỏi Cục thuế cần phải tìm giải pháp để nâng cao hiệu quả thu thuế trong thời gian sắp tới.

Trích dẫn: Phạm Thị Hồng Quyên và Lê Hoàng Anh, 2019. Độ nổi và tính bền vững thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(2D): 143-149.

1 MỞ ĐẦU

Thuế là nguồn thu quan trọng nhất của Ngân sách nhà nước. Điều này thể hiện ở tỷ trọng thu thuế, phí trong tổng thu ngân sách nhà nước hầu như luôn xấp xỉ ở ngưỡng 90%, cụ thể năm 2013 tỷ trọng thu thuế, phí trong tổng thu ngân sách nhà nước của cả nước là 93,2%, năm 2014 tỷ lệ này xấp xỉ 94,8% (Vũ, 2015). Thực tế cho thấy mức động viên hợp lý của thuế là nhân tố quan trọng thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Và khi sản xuất kinh doanh

đã phát triển thì tất yếu sẽ trở thành nhân tố quyết định để tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng và phát triển. Vậy khi GDP tăng trưởng thì có tác động kéo theo số thu ngân sách nhà nước từ thuế tăng trưởng hay không?

Kinh tế học đã chỉ ra rằng GDP và số thu từ thuế luôn có quan hệ hai chiều biện chứng với nhau, nghĩa là GDP tăng trưởng thì số thu thuế sẽ tăng lên tỷ lệ tương ứng nếu loại trừ yếu tố kém hiệu quả của hệ thống thuế và tỷ lệ động viên của thuế ở mức hợp

lý thì sẽ góp phần kích thích hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, đầu tư, xuất nhập khẩu mở rộng từ đó GDP sẽ tăng trưởng theo.

Để tạo động lực cho GDP tăng trưởng, thời gian qua chính sách thuế đã được Chính phủ điều chỉnh theo hướng giảm bớt tỷ lệ động viên từ doanh nghiệp và người dân thông qua các biện pháp miễn, giảm, giãn thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cụ thể, đối với thuế Thu nhập doanh nghiệp đã giảm mức thuế suất phổ thông từ mức 25% xuống 22% từ ngày 1-1-2014, áp dụng mức thuế suất 20% từ ngày 1-7-2013 đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Đối với thuế thu nhập cá nhân đã nâng mức khởi điểm chịu thuế cho bản thân từ 4 triệu đồng/tháng lên 9 triệu đồng/tháng, nâng mức giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ mức 1,6 triệu đồng/tháng lên 3,6 triệu đồng/tháng; đồng thời thực hiện miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, miễn thu thủy lợi phí. Tuy nhiên, với những tác động kể trên liệu có làm cho GDP tăng trưởng? Và nếu GDP đã thực sự tăng trưởng thì có kéo theo sự gia tăng doanh thu thuế không và nếu có thì sự gia tăng này có tương ứng với tốc độ tăng trưởng GDP không? Để trả lời cho những câu hỏi này cần thiết phải đo lường độ nổi và tính bền vững của thuế.

2 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu này là độ nổi và tính bền vững thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2006-2015.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu: Số liệu nghiên cứu của đề tài được thu thập chủ yếu thông qua phương pháp ghi chép, tổng hợp từ các nguồn dữ liệu thứ cấp là số liệu thuế được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu và các báo cáo tổng kết của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015.

Phương pháp phân tích dữ liệu: Đo lường 02 chỉ tiêu định lượng là độ nổi và tính bền vững của thuế của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015, bên trong sử dụng kết hợp các kỹ thuật tính toán thống kê, so sánh, sử dụng mô hình hồi quy bán logarit và mô hình hồi quy logarit kép.

Về lý thuyết, độ nổi của thuế được xác định như sau:

$$\text{Độ nổi thuế} = \frac{\% \text{ thay đổi doanh thu thuế}}{\% \text{ thay đổi cơ sở thuế}}$$

Các chỉ số doanh thu thuế và cơ sở thuế sẽ tính theo giá trị thực, đã được điều chỉnh lạm phát

(Haughton, 1998) để tránh kết quả độ nổi của thuế sẽ bị thiên lệch về 1 khi các chỉ số trên được tính theo giá trị danh nghĩa.

Trong thực tế, việc tính độ nổi của thuế theo công thức trên sẽ không thể đưa đến một kết luận tổng quát vì các chỉ số doanh thu thuế và cơ sở thuế khác nhau qua các năm. Do đó, việc tính toán độ nổi của thuế trong một thời kỳ 5 đến 10 năm là cần thiết để thấy được tính bền vững của doanh thu thuế trong mối tương quan với GDP. Và có 05 phương pháp để tính độ nổi bình quân cho một thời kỳ:

Phương pháp 1: Tính độ nổi cho từng năm rồi tính trung bình. Mặc dù có ưu điểm đơn giản trong kỹ thuật tính toán nhưng phương pháp này lại có hạn chế lớn khi kết quả có thể dẫn đến những đánh giá không chính xác do số liệu về doanh thu thuế hoặc cơ sở thuế của một hay một vài năm có hiện tượng tăng giảm bất thường.

Phương pháp 2: Tính tốc độ tăng doanh thu thuế và cơ sở thuế giữa năm đầu với năm cuối trong một thời kỳ nhất định. Hạn chế của phương pháp này là kết quả đánh giá phụ thuộc khá lớn vào số liệu của năm được chọn.

Phương pháp 3: Tính tốc độ tăng doanh thu và cơ sở thuế dựa trên dữ liệu trung bình của hai thời kỳ đầu và cuối.

Phương pháp 4: Hồi quy log của doanh thu thuế theo năm (mô hình hồi quy Log-lin) và hồi quy log của GDP theo năm để có được tốc độ tăng trung bình của doanh thu thuế và GDP. Khi đó, các tỷ lệ tăng trưởng là các hệ số của biến độc lập (biến năm) trong mô hình hồi quy. Sau đó sử dụng các tỷ lệ tăng trưởng này để tính độ nổi của thuế.

Phương pháp 5: Hồi quy log của doanh thu thuế theo log của cơ sở thuế (mô hình hồi quy Log-log). Khi đó, hệ số theo log của cơ sở thuế chính là một thước đo về độ nổi của thuế.

Tính bền vững của thuế

Một chỉ tiêu khác được sử dụng làm thước đo hiệu quả nộp thuế là tính bền vững của thuế chính là hệ số biến đổi được tính là tỷ số của độ lệch chuẩn của doanh thu thuế chia cho giá trị trung bình của doanh thu thuế. Giá trị này còn gọi là hệ số phương sai nhằm đo lường giá trị sai lệch của một đơn vị trung bình của doanh thu thuế. Do đó, tính bền vững của thuế càng lớn càng nói lên doanh thu thuế sẽ biến động lớn (Haughton, 1988).

$$\text{Hệ số biến đổi} = \frac{\text{Độ lệch chuẩn của doanh thu thuế}}{\text{Giá trị trung bình của doanh thu thuế}}$$

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Hiệu quả thu thuế thông qua độ nổi của thuế

Độ nổi thuế giai đoạn 2006-2015 của tỉnh Thừa Thiên Huế khác biệt qua từng năm trong giai đoạn

nghiên cứu, có những năm chỉ số này rất cao, có những năm rất thấp. Một hệ thống thuế hiệu quả là khi tốc độ tăng thu thuế cao hơn và nhanh hơn sự gia tăng tổng sản phẩm quốc gia. Trên thực tế, hệ thống này có thể đáp ứng một cách hợp lý sự gia tăng tổng sản phẩm quốc dân.

Bảng 1: Độ nổi thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015 theo phương pháp 1

Năm	Tỷ lệ lạm phát	GDP danh nghĩa	% thay đổi GDP danh nghĩa	% thay đổi GDP thực	Doanh thu thuế danh nghĩa	% thay đổi Doanh thu thuế danh nghĩa	% thay đổi Doanh thu thuế thực	Độ nổi thuế
ĐVT	%	Triệu đồng	%	%	Triệu đồng	%	%	%
2006	5,49	8.518.803	19,46	13,24	1.170.763	9,39	3,70	0,28
2007	7,42	10.376.003	21,80	13,39	1.419.024	21,21	12,84	0,96
2008	17,42	13.404.580	29,19	10,02	1.744.655	22,95	4,71	0,47
2009	8,09	16.112.139	20,20	11,20	2.302.948	32,00	22,12	1,97
2010	5,65	19.157.718	18,90	12,54	2.872.567	24,73	18,06	1,44
2011	19,01	25.329.320	32,21	11,10	3.255.410	13,33	-4,77	-0,43
2012	7,86	29.970.167	18,32	9,70	5.439.336	67,09	54,91	5,66
2013	7,57	34.781.638	16,05	7,89	3.920.302	-27,93	-33,00	-4,18
2014	2,16	38.456.274	10,56	8,23	3.993.386	1,86	-0,29	-0,03
2015	0,10	41.971.546	9,14	9,03	5.608.412	40,44	40,30	4,46
Độ nổi bình quân								1,06

(Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Thừa Thiên Huế và số liệu của Cục thuế Thừa Thiên Huế, 2017)

Phân tích Bảng 1 cho thấy, trong giai đoạn 2006 – 2015 có hai năm độ nổi của thuế tại tỉnh Thừa Thiên Huế rất cao, như năm 2012 là 5,66% hay năm 2015 là 4,46%. Điều này có nghĩa là, tương ứng năm 2012 và năm 2015, khi GDP tăng trưởng 1% thì doanh thu thuế tăng tương ứng lần lượt là 5,66% và 4,46%, đây là tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao so với tốc độ tăng GDP cùng kỳ. Lý giải cho điều này là bởi, năm 2012 so với năm 2011, tốc độ tăng doanh thu thuế thực đạt tới gần 55% trong khi tốc độ tăng GDP thực chỉ đạt 9,7%. Sở dĩ có sự gia tăng đột biến như vậy về doanh thu thuế là do trong năm 2012, doanh thu thuế ở hầu hết các khu vực đều tăng, đặc biệt là doanh thu thuế của khu vực các doanh nghiệp nhà nước tăng đột biến, tới gần 566%; nguyên nhân chủ yếu là do có một số doanh nghiệp có số nợ lớn như: Viễn thông Thừa Thiên Huế nợ 18 tỷ đồng, tương ứng tăng 614% so với cùng kỳ, Công ty Thạch cao xi măng 15 tỷ đồng do bán tài sản, Chi nhánh Viettel 15 tỷ, Công ty Điện lực 13 tỷ, Công ty Khoáng sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của quyết toán năm 2011 và tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012, ngoài ra còn có thể kể đến việc năm 2012 có thu 411 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của Công ty Bia Huế,... và thu từ vãng lai của các dự án xây dựng cơ bản trên địa bàn. Bên cạnh đó, còn phải kể đến là việc tăng mạnh số thu thuế từ công ty Xổ số

kiến thiết (Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, 2006-2015).

Khi so năm 2015 với năm 2014 thì tốc độ tăng doanh thu thuế thực đạt tới 40,3% trong khi tốc độ tăng GDP thực chỉ đạt hơn 9%. Khoản thu này năm nay tăng cao so với cùng kỳ là do có một số doanh nghiệp trọng điểm có số nợ ngân sách tăng cao so với cùng kỳ như Nhà máy thủy điện A Lưới tăng 55%, Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế tăng 245%, Chi nhánh Viettel Thừa Thiên Huế tăng 81%, Chi nhánh thông tin di động Thừa Thiên Huế tăng 60%, Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực phẩm và đầu tư Foco tăng 27%,... Bên cạnh đó, cũng phải kể đến sự gia tăng doanh thu thuế từ khu vực ngoài nhà nước, chủ yếu khoản thu này có tăng so với cùng kỳ là do Công ty cổ phần Thủy điện Bình Điền nộp tăng 41% so với cùng kỳ, Công ty cổ phần Thủy điện Hương Điền có số thu nộp tăng 136% so với cùng kỳ, Công ty cổ phần Xi măng Đồng Lâm nộp tăng 212% so với cùng kỳ và có sự chuyển đổi Công ty Môi trường đô thị từ doanh nghiệp nhà nước địa phương sang doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, 2006-2015).

Trong khi đó, độ nổi thuế của 3 năm 2011, 2013 và 2014 là âm, đặc biệt là năm 2013 độ nổi thuế là -4,18%, trong khi những năm khác là dương. Điều

này có nghĩa là độ nổi của thuế trong những năm này tỷ lệ nghịch với cơ sở thuế, khi GDP tăng thì doanh thu thuế giảm hoặc cũng có thể ngược lại khi GDP giảm thì doanh thu thuế tăng. Cụ thể, con số -4,18% của năm 2013 cho thấy rằng so với năm 2012, khi GDP thực tăng 1% trong năm 2013 thì doanh thu thuế giảm 4,18%. Sở dĩ như vậy là do năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012, tốc độ tăng GDP thực đạt gần 8% nhưng tốc độ tăng doanh thu thuế thực sụt giảm nghiêm trọng, tương ứng giảm 33%. Nguyên nhân là do số thu từ khu vực kinh tế nhà nước năm 2013 đạt thấp và giảm so với cùng kỳ, do có một số đơn vị trong điểm có số nộp ngân sách giảm như Công ty khoáng sản Thừa Thiên Huế giảm 35%, Công ty Sài Gòn Morin -Huế giảm 25%, thêm vào đó là do năm 2012, như đã đề cập ở trên, có số thu lớn, một phần là từ 411 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của Công ty Bia Huế và từ số thu thuế từ công ty Xây dựng Kiến thiết (Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, 2006-2015). Ngoài ra, khu vực kinh tế này còn chịu tác động ảnh hưởng khá lớn của suy thoái kinh tế, mặc dù các doanh nghiệp đã có nhiều cố gắng trong việc ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh nhưng số thu nộp ngân sách nhìn chung đều giảm. Tuy nhiên, đây chỉ là một kết quả ngắn hạn, thể hiện sự tác động của các yếu tố đặc thù phát sinh trong năm 2013, không đại diện cho tính dài hạn của doanh thu thuế. Sự sụt giảm tạm thời này của doanh thu thuế một vài năm có thể là do những tác động tức thời khác của chính sách vĩ

mô, chẳng hạn như các chính sách về miễn, giảm, giãn thuế...

Để thấy được độ nổi thuế trong dài hạn, cần tính độ nổi bình quân cho cả thời kỳ 2006 – 2015. Căn cứ vào độ nổi thuế hàng năm (Bảng 1), độ nổi thuế bình quân được tính cho giai đoạn này là 1,06%. Như vậy, có thể kết luận rằng, bình quân khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 1,06%. Tuy có thể nói rằng với giá trị độ nổi thuế giai đoạn 2006 - 2015 lớn hơn 1 (kết quả được tính toán theo phương pháp 1) thì có thể xem như giai đoạn này công tác thu thuế phần nào đạt được hiệu quả khi mà tốc độ tăng trưởng doanh thu thuế lớn hơn tốc độ tăng trưởng GDP, nhưng với con số có phần khiêm tốn đó thì cũng thấy rằng Cục thuế chưa thể lạc quan với kết quả hiện tại mà cần phải nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế.

Độ nổi thuế có thể được ước lượng theo nhiều phương pháp khác nhau, và mỗi một phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Do đó, để phần nào hạn chế được những nhược điểm cố hữu của các phương pháp và cũng để có một kết quả ước lượng toàn diện hơn, đề tài sẽ tiếp tục thực hiện ước lượng độ nổi thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015 theo 04 phương pháp còn lại. Tiếp theo dưới đây là bảng kết quả ước lượng độ nổi thuế theo phương pháp thứ hai, tức là ước lượng độ nổi thuế dựa vào số liệu của năm đầu và năm cuối của giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 2: Độ nổi thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015 theo phương pháp 2

Năm	GDP thực	% thay đổi GDP thực bình quân	Doanh thu thuế thực	% thay đổi doanh thu thuế thực bình quân	Độ nổi bình quân
2006	3.934.037		540.665,74		
2015	9.530.320	10,33	1.273.480,87	9,99	0,97

(Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Thừa Thiên Huế và số liệu Cục thuế Thừa Thiên Huế; 2017)

Theo phương pháp 2 cho kết quả độ nổi của thuế bình quân giai đoạn 2006 - 2015 của tỉnh Thừa

Thiên Huế là 0,97% (Bảng 2), nghĩa là bình quân khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 0,97%.

Bảng 3: Độ nổi thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015 theo phương pháp 3

Năm	GDP thực bình quân	% thay đổi GDP thực bình quân	Doanh thu thuế thực bình quân	% thay đổi doanh thu thuế thực bình quân	Độ nổi bình quân
2006 -2010	4.980.494		698.109		
2011-2015	8.131.430	63,27	1.065.415	52,61	0,83

(Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Thừa Thiên Huế và số liệu của Cục thuế Thừa Thiên Huế; 2017)

Tương tự, tính toán theo phương pháp 3 cho kết quả độ nổi của thuế bình quân giai đoạn 2006 - 2015

của tỉnh Thừa Thiên Huế là 0,83% (Bảng 3), nghĩa là bình quân khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 0,83%.

Bảng 4: Kết quả hồi quy Ln(GDP thực) theo năm

Chỉ tiêu	Hệ số ảnh hưởng (β)	Giá trị xác suất
Hằng số (β_0)	15,119	0,000
Năm (β_1)	0,098	0,000
Hệ số R^2		0,995
Giá trị F		1503,478
Mức ý nghĩa phân tích ANOVA		0,000

a. Biến phụ thuộc: Ln(GDP thực)

b. Biến độc lập: (Hằng số), Năm

(Nguồn: Nhóm tác giả, Kết quả hồi quy, 2017)

Từ kết quả ở trên có thể rút ra phương trình hồi quy Ln(GDP thực) theo năm như sau:

$$\text{Ln(GDP thực)} = 15,119 + 0,098 \cdot \text{Năm}$$

Với giá trị xác suất của kết quả phân tích Anova là 0,000 và các giá trị xác suất của các hệ số β_0 là 0,000 và β_1 là 0,000, thêm vào đó hệ số R^2 là 0,995 (Bảng 4) cho thấy mô hình hồi quy trên hoàn toàn phù hợp và đáng tin cậy.

Bảng 5: Kết quả hồi quy Ln(Doanh thu thuế thực) theo năm

Chỉ tiêu	Hệ số ảnh hưởng (β)	Giá trị xác suất
Hằng số (β_0)	13,186	0,000
Năm (β_1)	0,084	0,002
Hệ số R^2		0,729
Giá trị F		21,490
Mức ý nghĩa phân tích ANOVA		0,002

a. Biến phụ thuộc: Ln(Doanh thu thuế thực)

b. Biến độc lập: (Hằng số), Năm

(Nguồn: Nhóm tác giả, Kết quả hồi quy, 2017)

Tương tự như trên, ta có phương trình hồi quy Ln(Doanh thu thuế thực) theo năm như sau:

$$\text{Ln(Doanh thu thuế thực)} = 13,186 + 0,084 \cdot \text{Năm}$$

Cũng với giá trị xác suất của kết quả phân tích Anova là 0,002 và các giá trị xác suất của các hệ số β_0 là 0,000 và β_1 là 0,002, thêm vào đó hệ số R^2 là

0,729 (Bảng 5) cho thấy mô hình hồi quy trên hoàn toàn phù hợp và đáng tin cậy.

Kết quả hồi quy này cho thấy, trong giai đoạn 2006 – 2015, GDP thực của tỉnh Thừa Thiên Huế tăng bình quân một năm là 9,8% và doanh thu thuế thực tăng bình quân một năm là 8,4%. Như vậy, độ nổi thuế của giai đoạn này theo phương pháp (4) sẽ là 8,4% chia (\div) 9,8% bằng 0,86%, nghĩa là khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 0,86%.

Bảng 6: Độ nổi thuế theo phương pháp 5

Chỉ tiêu	Hệ số ảnh hưởng (β)	Giá trị xác suất
Hằng số (β_0)	-0,103	0,971
Ln(GDP thực) (β_1)	0,878	0,001
Hệ số R^2		0,762
Giá trị F		25,634
Mức ý nghĩa phân tích ANOVA		0,001

a. Biến phụ thuộc: Ln(Doanh thu thuế thực)

b. Biến độc lập: (Hằng số), Ln(GDP thực)

(Nguồn: Nhóm tác giả, Kết quả hồi quy, 2017)

Theo phương pháp ước lượng độ nổi thuế thứ (5), ta có phương trình hồi quy Ln(Doanh thu thuế thực) theo Ln(GDP thực) như sau:

$$\text{Ln(Doanh thu thuế thực)} = -0,103 + 0,878 \cdot \text{Ln(GDP thực)}$$

Cũng với các giá trị xác suất là 0,001, thêm vào

đó giá trị hệ số R^2 là 0,762 (Bảng 6) cho thấy mô hình hồi quy trên hoàn toàn phù hợp và đáng tin cậy.

Kết quả hồi quy cho thấy, giá trị β_1 là 0,878, điều đó có nghĩa, trong giai đoạn 2006 – 2015, độ nổi thuế giai đoạn 2006 – 2015 tính toán theo phương pháp (5) sẽ là 0,878%, cụ thể là khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 0,878%.

Bảng 7: Độ nổi thuế của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006 - 2015 theo các phương pháp

Phương pháp	Nội dung	Độ nổi thuế (%)
1	Sử dụng độ nổi bình quân các năm	1,06
2	Sử dụng tỷ lệ tăng trưởng giữa hai năm đầu và cuối	0,97
3	Sử dụng tỷ lệ tăng trưởng bình quân thời kỳ cuối so với thời kỳ đầu	0,83
4	Sử dụng tỷ lệ tăng trưởng dựa trên hồi quy	0,86
5	Hồi quy Ln(Doanh thu thuế thực) so với Ln(GDP thực)	0,88
Độ nổi bình quân các phương pháp		0,92

(Nguồn: Nhóm tác giả, 2017)

Như vậy, mỗi phương pháp tính toán áp dụng sẽ cho kết quả khác nhau về độ nổi của thuế trong cùng một giai đoạn nghiên cứu (Bảng 7). Tuy nhiên, trong tình huống nghiên cứu hiện tại, thuận lợi không có sự chênh lệch quá lớn về độ nổi thuế giữa các phương pháp. Do đó, chúng ta có thể sử dụng độ nổi thuế bình quân của các phương pháp trên là 0,92% để kết luận cho độ nổi của thuế thời kỳ 2006 – 2015 của tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể hơn trong giai đoạn này khi GDP thực tăng 1% thì doanh thu thuế tăng 0,92% (Bảng 7).

Tóm lại, với độ nổi thuế bình quân là 0,92 nhỏ hơn 1 thì có thể kết luận rằng công tác quản lý thu thuế của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai

đoạn 2006 - 2015 là chưa thực sự đạt được hiệu quả khi mà tốc độ tăng doanh thu thuế chậm hơn tốc độ gia tăng GDP, điều này cho thấy năng lực thu thuế từ nền kinh tế còn yếu. Do đó, cơ quan thuế cần tích cực hơn nữa trong công tác đánh giá, phân tích công tác quản lý thu thuế nói riêng cũng như công tác quản lý thuế nói chung; từ đó có thể tìm được những giải pháp khả thi để nâng cao hiệu quả thu thuế của mình trong thời gian tới.

3.2 Hiệu quả thu thuế thông qua tính bền vững của thuế

Một thước đo khác liên quan đo lường hiệu quả nộp thuế của các khu vực kinh tế là tính bền vững của thuế.

Bảng 8: Tính bền vững của thuế ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2015

Năm	Tổng doanh thu thuế	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Doanh nghiệp FDI
2006	540.666	83.336	55.108	234.430
2007	610.070	99.486	710.058	255.063
2008	638.791	92.092	71.871	286.072
2009	780.062	103.147	85.687	313.207
2010	920.955	159.589	101.819	275.649
2011	877.017	130.864	118.017	263.678
2012	1.358.593	583.064	141.441	278.333
2013	910.297	122.109	164.787	346.199
2014	907.686	100.335	178.643	342.838
2015	1.273.481	154.700	237.594	457.542
Giá trị trung bình	881.762	162.872	186.502	305.301
Độ lệch chuẩn	267.373,51	149.872,61	191.982,20	64.615,81
Tính bền vững	0,30	0,92	1,03	0,21

(Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu thuế Cục thuế Thừa Thiên Huế, 2017)

Bảng 8 trình bày tính bền vững thuế trên cơ sở doanh thu thuế của các khu vực kinh tế Nhà nước, kinh tế ngoài quốc doanh, khu vực doanh nghiệp FDI và tổng thu thuế của Cục thuế tỉnh. Doanh thu thuế của khu vực ngoài quốc doanh có tính bền vững kém nhất (chỉ số tính bền vững lớn nhất 1,03), cũng có nghĩa là khu vực này tạo ra sự biến động của doanh thu thuế lớn nhất, tiếp đến là doanh nghiệp

nhà nước (chỉ số tính bền vững là 0,92), sau đó là khu vực doanh nghiệp FDI có chỉ số tính bền vững thấp nhất (0,21), tức là tính bền vững cao, doanh thu thuế ít biến động trong giai đoạn nghiên cứu. Xét tổng thể thì tổng thu thuế có tính bền vững tương đối thấp, tức là doanh thu thuế ít biến động trong giai đoạn nghiên cứu.

4 KẾT LUẬN

Công tác thu thuế của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2006 - 2015 chưa thực sự đạt được hiệu quả khi mà tốc độ tăng doanh thu thuế chậm hơn tốc độ gia tăng GDP, điều này cho thấy năng lực thu thuế từ nền kinh tế còn yếu, biểu hiện ở chỉ độ nộp thuế bình quân nhỏ hơn 1. Do đó, cơ quan thuế cần tích cực hơn nữa trong công tác đánh giá, phân tích công tác quản lý thu thuế nói riêng cũng như công tác quản lý thuế nói chung; để từ đó có thể tìm được những giải pháp khả thi để nâng cao hiệu quả thu thuế của mình trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, 2006-2015. Báo cáo tổng kết tình hình thu nộp Ngân sách Nhà nước.
- Jonathan Haughton, 1998. Estimating Tax Buoyancy, Elasticity and Stability. African Economic Policy Paper, African, 8 pages.
- Vũ Đình Ánh, 2015. Thu ngân sách nhà nước: Thực trạng 2014 và dự báo 2015, ngày truy cập 20 tháng 12 năm 2018. Địa chỉ: <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/91-2446-thu-ngan-sach-nha-nuoc--thuc-trang-2014-va-du-bao-2015.html>.